

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 116/2021/DS-PT

Ngày: 23/3/2021

V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Hiếu

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Đạt

Bà Nguyễn Ái Doan

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Lê Lộc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Võ Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 66/2021/TLPT-DS ngày 23 tháng 02 năm 2021 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 232/2020/DS-ST ngày 18/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2021/QĐ-PT ngày 26 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng K;

Trụ sở: Đường P, phường V, thành phố R, tỉnh K.

Người đại diện theo pháp luật: Trần Tuấn A – Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Trần Hữu N, sinh năm 1977 – Quyền Giám đốc Chi nhánh Tiền Giang.

Theo văn bản ủy quyền ngày 02/3/2021.

Người được ủy quyền lại: Trần T, sinh năm 1983 – Phó phụ trách Phòng khách hàng cá nhân kiêm Phó phụ trách Phòng khách hàng doanh nghiệp, Chi nhánh Tiền Giang; (có mặt)

Địa chỉ liên hệ: Đường H, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Theo văn bản ủy quyền ngày 10/3/2021.

- Bị đơn:

1. Nguyễn Thị G, sinh năm 1962; (có mặt)

2. Nguyễn Văn H, sinh năm 1961; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện G, Tiền Giang;

- *Người kháng cáo:* Bị đơn – Nguyễn Thị G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm;

Nguyên đơn Ngân hàng K, có người được ủy quyền lại – anh Trần T trình bày:

Vào ngày 01/11/2016, Ngân hàng (TMCP) K có cho bà Nguyễn Thị G, ông Nguyễn Văn H vay số tiền 170.000.000 đồng, mục đích vay là chăn nuôi heo thịt, lãi suất 12,6%/01 năm; thời hạn vay là 12 tháng; phương thức thanh toán trả lãi vay 03 tháng/01 lần; vốn vay trả cuối kỳ. Quá trình vay ông H và bà G trả được 4.103.714 đồng tiền lãi và 276.286 đồng tiền phạt chậm trả lãi. Ông H, bà G đã không trả vốn và lãi theo thỏa thuận. Thời hạn vay đã hết vào ngày 01/11/2017 nhưng cho đến nay ông H, bà G vẫn chưa thanh toán số tiền vốn vay và lãi theo hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết. Tính đến ngày 01/9/2020 thì bà G, ông H còn nợ Ngân hàng số tiền vốn gốc là 170.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 17.673.286 đồng, lãi quá hạn là 92.195.250 đồng, lãi phạt chậm trả là 9.969.329 đồng. Tổng số tiền vốn và lãi ông H, bà G nợ Ngân hàng tính đến ngày 01/9/2020 là 289.837.865 đồng.

Ngân hàng K yêu cầu bà G, ông H trả cho Ngân hàng số tiền vốn và lãi còn nợ cho Ngân hàng ngay khi án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng yêu cầu ông H, bà G tiếp tục trả lãi theo hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết cho đến khi thanh toán xong nợ. Trong trường hợp ông H, bà G không trả nợ thì Ngân hàng đề nghị xử lý tài sản mà bà G đã thế chấp là phần đất diện tích 1.542,1m², thuộc thửa 129, tờ bản đồ số 17, đất tọa lạc Ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang để Ngân hàng đảm bảo thu hồi nợ.

Bị đơn – bà Nguyễn Thị G trình bày:

Bà thừa nhận vợ chồng bà có vay của Ngân hàng K số tiền 170.000.000 đồng, thời hạn vay trong 01 năm. Do khó khăn nên bà chưa thanh toán tiền vốn và tiền lãi cho Ngân hàng.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà trả vốn và lãi theo hợp đồng thì bà đồng ý trả số tiền vốn 170.000.000 đồng, còn tiền lãi thì bà yêu cầu Ngân hàng giảm lãi cho bà để tạo điều kiện cho bà trả nợ cho Ngân hàng.

Bị đơn – ông Nguyễn Văn H vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Bản án dân sự sơ thẩm số 232/2020/DS-ST ngày 18/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng K đối với bà Nguyễn Thị G và ông Nguyễn Văn H.

Buộc bà G, ông H có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng tổng số tiền nợ tính đến ngày 18/9/2020 là 291.505.338 đồng, thực hiện trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Ông H, bà G phải tiếp tục trả lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo Hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết tính từ ngày 19/9/2020 cho đến khi ông H, bà G trả xong nợ.

Trong trường hợp ông H, bà G không trả tiền thì Ngân hàng được quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là phần đất diện tích 1.542,1m², thuộc thửa số 129, tờ bản đồ số 17, đất tại Ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo hợp đồng thế chấp mà hai bên đã ký kết để đảm bảo thu hồi nợ.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 23/9/2020, bị đơn – bà Nguyễn Thị G kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết bà cam kết trả 120.000.000 đồng cho Ngân hàng K, sau khi bà tiếp tục chuyển trả cho Ngân hàng K 170.000.000 đồng từ Ngân hàng Vietcombank trong thời gian chờ xét xử phúc thẩm. Bà G xin trả dần hàng tháng 3.000.000 đồng cho đến khi trả hết số tiền 120.000.000 đồng và xin ngưng lãi suất từ khi Tòa sơ thẩm tuyên án đối với số tiền nêu trên. Bà Nguyễn Thị G xin được miễn án phí do hoàn cảnh khó khăn, chồng bệnh già yếu, mất sức lao động, bà đi làm mướn và hiện nay thất nghiệp không có việc làm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi. Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tổ tụng dân sự. Người tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị G, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Qua nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị G, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” là có căn cứ.

[2] Về nội dung: Xét nội dung kháng cáo của bà Nguyễn Thị G, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 390/HĐTD/2200-4486 ngày 01/11/2016, Ngân hàng K - Chi nhánh Tiền Giang (Ngân hàng) có cho bà Nguyễn Thị G và ông Nguyễn Văn H vay số tiền 170.000.000 đồng. Mục đích vay: nuôi heo thịt; Thời hạn vay: 12 tháng; Lãi suất vay: 12,6%/01 năm, tính trên số dư nợ thực tế và thời gian vay vốn thực tế; Kỳ hạn trả lãi vay, nợ gốc: Kỳ hạn trả lãi vay 03 tháng/01 lần. Ngày trả lãi vay đầu tiên 02/12/2016; Vốn vay trả cuối kỳ ngày 02/11/2017.

Bà Nguyễn Thị G đã thế chấp tài sản là phần đất diện tích 1.542,1m², thuộc thửa 129, tờ bản đồ số 17, đất tọa lạc Ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang do Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 25/9/2008 (Hợp đồng thế chấp số 390/201//HĐTC-BDS/2200-4486 ngày 01/11/2016 giữa Ngân hàng K - Chi nhánh Tiền Giang với bà Nguyễn Thị G).

[3] Theo trình bày của Ngân hàng, quá trình vay bà G và ông H trả được 4.103.714 đồng tiền lãi và 276.286 đồng tiền phạt chậm trả lãi. Bà G và ông H đã không trả vốn và lãi theo thỏa thuận. Thời hạn vay đã hết vào ngày 01/11/2017 nhưng cho đến nay bà G, ông H vẫn chưa thanh toán số tiền vốn vay và lãi theo hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết. Tính đến ngày 01/9/2020 thì bà G, ông H còn nợ Ngân hàng số tiền vốn gốc là 170.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 17.673.286 đồng, lãi quá hạn là 92.195.250 đồng, lãi phạt chậm trả là 9.969.329 đồng. Tổng số tiền vốn và lãi ông H, bà G nợ Ngân hàng tính đến ngày 01/9/2020 là 289.837.865 đồng.

Bà Nguyễn Thị G thừa nhận bà và chồng bà là ông Nguyễn Văn H có vay của Ngân hàng K - Chi nhánh Tiền Giang số tiền vốn 170.000.000 đồng, bà đồng ý trả nợ cho Ngân hàng, nhưng trả 01 lần không khả năng, bà xin Ngân hàng không tiếp tục tính lãi và cho bà trả dần số tiền nợ.

[4] Xét thấy bà G và ông H đã vi phạm hợp đồng về nghĩa vụ trả tiền lãi và tiền vốn vay. Án sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Buộc bà G, ông H có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng tổng số tiền nợ tính đến ngày 18/9/2020 là 291.505.338 đồng và phải tiếp tục trả lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo Hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết tính từ ngày 19/9/2020 cho đến khi ông H, bà G trả xong nợ là có căn cứ phù hợp quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự.

Bà Nguyễn Thị G kháng cáo, nhưng không cung cấp được chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của bà là có căn cứ pháp luật và tại phiên tòa phúc thẩm không được nguyên đơn đồng ý. Do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà G.

[5] Ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm là có cơ sở, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị G phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 2 Điều 296, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị G, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 232/2020/DS-ST ngày 18/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng K đối với bà Nguyễn Thị G và ông Nguyễn Văn H.

- Buộc bà G, ông H có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng tổng số tiền nợ tính đến ngày 18/9/2020 là 291.505.338 đồng.

- Ông H, bà G phải tiếp tục trả lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo Hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết tính từ ngày 19/9/2020 cho đến khi ông H, bà G trả xong nợ.

Trong trường hợp ông H, bà G không trả tiền thì Ngân hàng được quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là phần đất diện tích 1.542,1m², thuộc thửa số 129, tờ bản đồ số 17, tại Ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang, do Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 25/9/2008, theo hợp đồng thế chấp mà hai bên đã ký kết để đảm bảo thu hồi nợ.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị G và ông Nguyễn Văn H phải chịu 14.575.266 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà G phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm. Bà G đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0016721 ngày 23/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Tiền Giang, khấu trừ xem như đã nộp xong án phí phúc thẩm.

Hoàn lại Ngân hàng K 6.805.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0016589 ngày 16/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOạ PHIÊN TOạ**

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện G, TG;
- CCTHADS huyện G, TG;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Huỳnh Hiếu